

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày: 27-9-2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bình

2. Bà Lưu Thị Thôi

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở chính: 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Duy Ph, chức vụ: chuyên viên XLN - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Bình Thuận theo giấy ủy quyền số 14/UQ-SHB ngày 09/9/2022.

Bị đơn: Ông Phạm Quang H, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Khu phố 01, phường 2i, Tp 3, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Phong, vắng mặt Ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Ông Ngô Duy Ph trình bày:***

Ngày 05/10/2018 Ông Phạm Quang H đã ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 với Ngân hàng T chi nhánh Bình Thuận (gọi tắt là Ngân hàng) có nội dung sau: Giá trị hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng; thời hạn là 12 tháng, kể từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/10/2019; lãi suất theo từng khế ước nhận nợ; mục đích vay là để bổ sung vốn mua bán hải sản; ngoài ra còn thỏa thuận lãi chậm trả và lãi quá hạn. Ông H đã rút vốn đối với số tiền trên theo khế ước nhận nợ số 01-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100.

Ngày 11/01/2019 Ông H đã thanh toán khoản nợ trên và tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 11/01/2019 với Ngân hàng có nội dung: Giá trị hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 đồng; thời hạn của khoản vay là 12 tháng; các thỏa thuận khác vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 05/10/2018. Ông H đã rút vốn đối với số tiền trên theo khế ước nhận nợ số 02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100.

Ngày 26/3/2019 Ông H tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 với Ngân hàng có nội dung: Giá trị hạn mức tín dụng là 4.500.000.000 đồng; thời hạn là 12 tháng; các thỏa thuận khác vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 05/10/2018 và Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 11/01/2019. Ông H đã rút vốn đối với số tiền 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 03-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100.

Tổng số tiền Ông H đã nhận nợ là 4.500.000.000 (bốn tỷ năm trăm triệu) đồng.

Tài sản bảo đảm là bất động sản tọa lạc tại Khu phố 01, phường 2i, Tp 3, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 400669 cấp ngày 31/3/2006, cập nhật biến động ngày 07/5/2009, ngày 08/7/2009; ngày 07/6/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 250422 cấp ngày 08/6/2018 đã được Ngân hàng và Ông H ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 05/10/2018 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, số công chứng: 9179, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 11/01/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, số công chứng: 00643, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL02-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 26/3/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, số công chứng: 003982, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

Hết hạn hợp đồng nhưng Ông H vẫn không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 27/9/2022 Ông H còn nợ: Đối với số tiền 4.000.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100: Tiền gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 2.049.368.460 đồng; Đối với số tiền 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 03-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100: Tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 251.399.191 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là 6.800.767.651 đồng; trong đó nợ gốc là 4.500.000.000 đồng, nợ lãi là 2.300.767.651 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Ông H trả tổng số tiền gốc và tiền lãi nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các phụ lục đính kèm mà Ông H đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi hoàn tất các khoản nợ.

Trường hợp Ông H không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và các phụ lục đính kèm để Ngân hàng thu hồi nợ. Đồng thời yêu cầu Ông H trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.700.000 đồng mà Ngân hàng đã tạm ứng để chi tiền xem xét, thẩm định tại chỗ.

** Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến, cũng như cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không đến tòa.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2022 là 2.300.767.651 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng. Nếu Ông H không trả số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đồng thời Ông H phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.700.000 đồng mà Ngân hàng đã tạm ứng để chi tiền xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng yêu cầu Ông Phạm Quang H trả nợ, Ông H có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt Ông H.

[3] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Ông Phạm Quang H thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Xét Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 05/10/2018; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 11/01/2019 và Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 26/3/2019 giữa Ngân hàng với Huy đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng với bên vay là Ông H. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, Ông H đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Khoản vay của Ông H hiện tại vẫn do Ngân hàng quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng có quyền khởi kiện đòi nợ đối với Ông H khi có vi phạm. Quá trình giải quyết vụ án, Ông Phạm Quang H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi của hợp Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định Ông H chưa thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 11/01/2019 và Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 26/3/2019 như nguyên đơn đã trình bày.

[4] Về lãi suất cho vay: Lãi suất giữa hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận.

[5] Theo Khế ước nhận nợ số 02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 11/01/2019, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/01/2020 và theo Khế ước nhận nợ số 03-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 26/3/2019, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/3/2020. Khoản nợ của Ông H không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên đã hết hạn nhưng Ông H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Ông H phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2022 và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng kèm theo kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[6] Về yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Ông Phạm Quang H vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 05/10/2018 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 9179, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 11/01/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 00643, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL02-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 26/3/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 003982, quyền số 04TP/CC-

SCC/HĐGD được ký giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là Ông Phạm Quang H. Hợp đồng được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm; phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Điều 298, Điều 319 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận trong trường hợp Ông H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 05/10/2018 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 9179, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 11/01/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 00643, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL02-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 26/3/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 003982, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp 3.700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, Ông H phải chịu chi phí này; Vì vậy buộc Ông H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc Ông Phạm Quang H phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2022 số tiền là 6.800.767.651 đồng; trong đó nợ gốc là 4.500.000.000 đồng, nợ lãi là 2.300.767.651 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2022, Ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 05/10/2018; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 11/01/2019 và phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL02-22/2018/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 26/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Ông H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp Ông Phạm Quang H không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản của Ông H đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 05/10/2018 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 9179, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL01-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 11/01/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 00643, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL02-21/2018/HĐTC-CN/SHB.132100 được công chứng ngày 26/3/2019 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng: 003982, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

3. Về Án phí: Ông Phạm Quang H phải chịu 114.800.768 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 56.712.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003964 ngày 06/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết cho Ngân hàng T.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Quang H phải hoàn trả lại số tiền 3.700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng T do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền 3.700.000 đồng thì người bị thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2022); Ông Phạm Quang H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp PT;
- CCTHADS Tp PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Quách Văn Hoàng